

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số: /QĐ-ĐHNCT ngày tháng năm 20
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nam Cần Thơ)

Tên chương trình	: Chương trình đào tạo Y khoa
Trình độ đào tạo	: Đại học hệ chính quy
Ngành đào tạo	: Y Khoa
Mã số	: 7720101

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo Bác sĩ đa khoa là đào tạo những người có y đức, có kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp cơ bản về y học để xác định, đề xuất và tham gia giải quyết các vấn đề sức khỏe cá nhân và cộng đồng, có khả năng nghiên cứu khoa học và tự học nâng cao trình độ, đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Về kiến thức

- *Khối kiến thức*

- + Vận dụng được các kiến thức về tư tưởng, đạo đức cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam và Tư tưởng Hồ Chí Minh trong chăm sóc sức khỏe nhân dân.
- + Áp dụng được kiến thức công nghệ thông tin trong phục vụ người bệnh và nghiên cứu khoa học.
- + Vận dụng được kiến thức về ngoại ngữ trong giao tiếp và công việc chuyên môn.
- + Đánh giá, phân tích được các vấn đề an ninh, quốc phòng và có ý thức cảnh giác với những âm mưu chống phá cách mạng của các thế lực thù địch.

- *Kiến thức chung theo lĩnh vực*

- + Vận dụng được các kiến thức khoa học tự nhiên như hóa học, sinh học, vật lý, lý sinh để giải thích các hiện tượng bệnh lý.
- + Phân tích được các hiện tượng, các cơ chế hoạt động, nguyên lý vận hành của các trang thiết bị phục vụ chẩn đoán và điều trị.
- + Tiếp cận được với các kiến thức sinh học và kỹ thuật y dược hiện đại.

- *Kiến thức chung của khối ngành*

- + Vận dụng được kiến thức cốt lõi về khoa học sức khỏe và các mối liên quan giữa sức khỏe với các yếu tố môi trường, xã hội.

- + Đánh giá và phân tích được mối liên quan giữa sức khỏe, bệnh tật với môi trường và các yếu tố tâm lý-xã hội.

- Kiến thức chung của nhóm ngành và ngành

- + Hiểu được đặc điểm giải phẫu, cấu trúc và hoạt động của cơ thể con người trong trạng thái bình thường và bệnh lý.

- + Đánh giá được sự thay đổi các trạng thái cơ thể trong những điều kiện bình thường và bệnh lý.

- + Áp dụng được những kiến thức cơ bản, cơ sở để giải thích một cách sâu sắc các triệu chứng bệnh lý của người bệnh.

- + Phân tích và tổng hợp được các triệu chứng, các dấu hiệu để chẩn đoán các tình trạng bệnh lý.

- + Áp dụng được các phương pháp, các kỹ thuật để điều trị và chăm sóc người bệnh.

- Kiến thức thực tập và tốt nghiệp

- + Vận dụng tổng hợp kiến thức thu được để phân tích và đánh giá các vấn đề sức khỏe tại Bệnh viện và cộng đồng trước khi trở thành bác sĩ đa khoa.

1.2.2 Về kỹ năng

1.2.2.1 Kỹ năng nghề nghiệp (kỹ năng cứng)

- Kỹ năng lập luận nghề nghiệp, phát hiện và giải quyết vấn đề

- + Phát hiện được các triệu chứng bệnh lý và các vấn đề sức khỏe.

- + Chỉ định và phân tích được kết quả các xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản.

- + Chẩn đoán được một số bệnh thông thường.

- + Xử trí được một số bệnh và tình trạng cấp cứu thường gặp.

- Khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề

- + Xây dựng được giả thuyết về sức khỏe và bệnh tật.

- + Đánh giá, phân tích được vấn đề sức khỏe.

- + Đề xuất giải pháp và giải quyết được các vấn đề sức khỏe.

- Kỹ năng nghiên cứu và khám phá

- + Có khả năng hình thành giả thuyết nghiên cứu.

- + Có kỹ năng thu thập thông tin.

- + Thực hiện được đề tài nghiên cứu khoa học dưới sự hướng dẫn của chuyên gia.

- + Có kỹ năng ứng dụng kết quả nghiên cứu trong thực tế.

- Kỹ năng tư duy theo hệ thống

+ Phân tích được mối liên quan sức khỏe với các yếu tố môi trường, văn hóa, kinh tế-xã hội.

+ Xác định được vấn đề sức khỏe ưu tiên.

+ Phân tích sự lựa chọn giữa các vấn đề và tìm ra cách giải quyết.

+ Có tư duy phân tích đa chiều các vấn đề sức khỏe, bệnh tật.

- Bối cảnh xã hội và ngoại cảnh

+ Thể hiện được vai trò và trách nhiệm của bác sĩ đa khoa đối với xã hội.

+ Đáp ứng chuẩn mực của xã hội về ngành y và bác sĩ đa khoa.

+ Đánh giá sự phát triển và các vấn đề sức khỏe toàn cầu đến nghề nghiệp.

- Bối cảnh tổ chức

+ Phân tích được đặc điểm, tình hình của đơn vị.

+ Xây dựng được kế hoạch và phát triển đơn vị.

+ Tạo được mối liên hệ với các đối tác chủ yếu.

- Vận dụng kiến thức vào thực tiễn

+ Áp dụng và thực hiện được các kỹ thuật, thủ thuật trong lâm sàng.

+ Sử dụng thành thạo các thiết bị trong đơn vị.

+ Phát hiện được những vấn đề mới trong chuyên môn.

- Năng lực sáng tạo, phát triển và khả năng thay đổi trong chuyên môn.

+ Cải tiến các kỹ thuật chăm sóc, điều trị.

+ Cập nhật được các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong công việc.

+ Có năng lực làm việc trong các vị trí khác nhau trong đơn vị.

1.2.2.2 Kỹ năng mềm

- Kỹ năng tự chủ

+ Sắp xếp kế hoạch công việc khoa học và hợp lý.

+ Thích ứng nhanh với sự thay đổi môi trường sống và làm việc.

+ Học và tự học, tự nghiên cứu suốt đời.

+ Phân tích được phẩm chất của đồng nghiệp để trao đổi, học hỏi.

- Kỹ năng làm việc nhóm

+ Xây dựng, điều hành nhóm làm việc hiệu quả.

+ Liên kết được các nhóm.

- Kỹ năng quản lý và lãnh đạo

+ Tổ chức, phân công công việc trong đơn vị.

- + Đánh giá hoạt động của cá nhân và tập thể.
- + Liên kết được với các đối tác chủ yếu.
- *Giao tiếp*
- + Sắp xếp được ý tưởng, nội dung giao tiếp.
- + Giao tiếp được bằng văn bản, qua thư điện tử/các phương tiện truyền thông
- + Khả năng thuyết trình lưu loát.
- + Có kỹ năng giao tiếp giữa các cá nhân: tư vấn, giáo dục sức khỏe cho bệnh nhân, trao đổi và chia sẻ với đồng nghiệp...

1.2.3 Về thái độ

- Đạo đức cá nhân

- + Sẵn sàng đương đầu với khó khăn.
- + Kiên trì, chăm chỉ, nhiệt tình, say mê sáng tạo.
- + Cảm thông, chia sẻ với đồng nghiệp, người bệnh.

- Đạo đức nghề nghiệp

- + Tận tâm, tận lực, trung thực và trách nhiệm.
- + Tác phong làm việc chuyên nghiệp.
- + Văn hóa ứng xử của thầy thuốc (12 điều y đức).

- Đạo đức xã hội

- + coi trọng nền y học cổ truyền dân tộc.
- + Tuân thủ pháp luật và các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.
- + Giữ gìn và quảng bá hình ảnh người bác sĩ trong xã hội

1.2.4 Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, bác sĩ đa khoa có thể làm việc tại các bệnh viện, các cơ sở y tế, các cơ sở đào tạo y dược, các Viện nghiên cứu và các cơ quan Quản lý ngành khoa học sức khỏe, các tổ chức nhà nước và tổ chức phi chính phủ.

- Các cơ sở điều trị: bác sĩ trực tiếp tham gia điều trị và quản lý tại các bệnh viện công lập và tư nhân.

- Các cơ sở đào tạo: giảng viên các trường đại học, cao đẳng và trung cấp y tế, cán bộ quản lý đào tạo.

- Các viện nghiên cứu: chuyên viên trong các viện nghiên cứu thuộc lĩnh vực khoa học sức khỏe, y dược, y sinh, công nghệ y dược...

- Các cơ quan quản lý: chuyên viên các cơ quan quản lý y tế. Chuyên viên trong các tổ chức nhà nước và tổ chức phi chính phủ.

1.2.5. Ngoại ngữ, tin học

Đạt kỹ năng về tiếng Anh, tin học và nghề nghiệp theo quy định chung của Nhà trường để nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ chuyên môn; có kỹ năng giao tiếp và làm việc theo nhóm một cách hiệu quả.

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Kiến thức:

- Có kiến thức lý thuyết nền vững chắc và chuyên sâu trong lĩnh vực sức khỏe.
- Nắm vững kỹ thuật và có kiến thức thực tế để có thể chuẩn đoán đưa ra hướng điều trị và điều trị các bệnh thông thường và xử trí cấp cứu ban đầu ở tuyến cơ sở, phát hiện phân loại và chuyển tuyến kịp thời.
- Tích lũy được kiến thức nền tảng về các kiến thức cơ bản, kiến thức ngành và chuyên ngành trong lĩnh vực sức khỏe tạo nền tảng để phát triển kiến thức mới và có thể tiếp tục học tập nâng cao trình độ.
- Có kiến thức quản lý, điều hành, kiến thức pháp luật và bảo vệ môi trường liên quan đến lĩnh vực sức khỏe

2.2. Kỹ năng

Có kỹ năng hoàn thành chẩn đoán điều trị bệnh thông thường và xử trí cấp cứu ban đầu đòi hỏi vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn của khối ngành sức khỏe trong những bối cảnh khác nhau.

Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin, tổng hợp ý kiến tập thể và sử dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề thực tế hay trừu tượng trong lĩnh vực sức khỏe; có năng lực dẫn dắt chuyên môn để xử lý những vấn đề quy mô địa phương và vùng miền.

Có kỹ năng ngoại ngữ ở mức có thể hiểu được các ý chính của một báo cáo hay bài phát biểu về các chủ đề quen thuộc trong công việc liên quan đến ngành sức khỏe; có thể sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt, xử lý một số tình huống chuyên môn thông thường; có thể viết được báo cáo có nội dung đơn giản, trình bày ý kiến liên quan đến công việc chuyên môn;

2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ đã được đào tạo; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

3. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 219 tín chỉ (TC), chưa kể phần nội dung Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc

4. Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương, tuyển sinh trong cả nước

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

5.1. Quy trình đào tạo

Thực hiện đúng Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ và quy chế đào tạo hiện hành của Trường Đại học Nam Cần Thơ.

5.2. Điều kiện tốt nghiệp

- Sinh viên hoàn tất chương trình đào tạo được xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp theo quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

- Đạt trình độ tiếng Anh và Tin học theo quy định chung của Nhà trường.

- Đạt chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng-An ninh; Giáo dục thể chất; Kỹ năng mềm và Kỹ năng nghề nghiệp.

6. Cách thức đánh giá

Thực hiện đúng Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ và quy chế đào tạo hiện hành của Trường Đại học Nam Cần Thơ.

7. Nội dung chương trình

STT	HỌC PHẦN	KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC (TC)		
		Tổng số	LT	TH
1. Kiến thức giáo dục đại cương				
1	Giáo dục quốc phòng	8*		
2	Giáo dục thể chất 1,2,3	3*	0	3*
3	Triết học Mac - Lenin	2	2	0
4	Kinh tế Chính trị	2	2	0
5	Chủ nghĩa Xã hội Khoa học	1	1	0
6	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3	3	0
7	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0
8	Sinh học và Di Truyền	3	2	1
9	Hóa Đại cương Vô cơ & Hữu cơ	3	2	1
10	Lý sinh	3	2	1
11	Xác suất thống kê trong y học	3	3	0
12	Tin học đại cương	3	2	1
13	Anh văn căn bản và chuyên ngành	12	12	0
14	Pháp luật đại cương	2	2	0
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp				
2.1. Kiến thức cơ sở ngành				
1	Giải phẫu 1	3	2	1
2	Giải phẫu 2	3	2	1
3	Mô và Phôi thai học	4	3	1
4	Ký sinh trùng	3	2	1

STT	HỌC PHẦN	KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC (TC)		
		Tổng số	LT	TH
5	Sinh lý 1	4	3	1
6	Sinh lý 2	3	2	1
7	Điều dưỡng cơ bản và cấp cứu ban đầu	3	2	1
8	Hóa sinh	3	2	1
9	Vì sinh	3	2	1
10	Huấn luyện kỹ năng	2	0	2
11	Phẫu thuật thực hành	3	2	1
12	Sinh lý bệnh – Miễn dịch	4	3	1
13	Dinh dưỡng & Vệ sinh an toàn thực phẩm	2	2	0
14	Dược lý	3	2	1
15	Giải phẫu bệnh	3	2	1
16	Sức khỏe môi trường	2	2	0
17	Tâm lý và đạo đức y học	2	2	0
18	Truyền thông giáo dục và nâng cao sức khỏe	2	2	0
19	Phương pháp nghiên cứu khoa học sức khỏe	2	2	0
20	Dịch tễ học	2	2	0
21	Chẩn đoán hình ảnh	3	2	1
22	Tổ chức và Quản lý y tế	2	2	0
2.2. Kiến thức ngành				
1	Triệu chứng ngoại khoa	5	3	2
2	Triệu chứng nội khoa	5	3	2
3	Bệnh học ngoại khoa 1	5	3	2
4	Bệnh học nội khoa 1	5	3	2
5	Bệnh học Nhi khoa 1	4	2	2
6	Bệnh học sản khoa 1	4	2	2
7	Da liễu	4	2	2
8	Mắt	4	2	2
9	Răng hàm mặt	4	2	2
10	Tai mũi họng	4	2	2
11	Thần kinh	4	2	2
12	Ung thư	4	2	2
13	Lao và Bệnh phổi	4	2	2
14	Phục hồi chức năng	4	2	2
15	Sức khỏe tâm thần	4	2	2
16	Y học cổ truyền	4	2	2
17	Truyền nhiễm	4	2	2
18	Bệnh học ngoại khoa 2	4	2	2
19	Bệnh học nội khoa 2	5	3	2

STT	HỌC PHẦN	KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC (TC)		
		Tổng số	LT	TH
20	Bệnh học nhi khoa 2	4	2	2
21	Bệnh học sản khoa 2	4	2	2
22	Phụ khoa	4	2	2
23	Thực tập cộng đồng	2	0	2
24	Thực tập cuối khóa Nội khoa	4	0	4
25	Thực tập cuối khóa Ngoại khoa	4	0	4
26	Thực tập cuối khóa Sản khoa	4	0	4
27	Thực tập cuối khóa Nhi khoa	4	0	4
28	Khoá luận tốt nghiệp	8		
<i>Học phân thay thế khoá luận tốt nghiệp (04 môn 08 TC)</i>				
28.1	Dược lý lâm sàng	2	2	0
28.2	Gây mê hồi sức	2	1	1
28.3	Kinh tế y tế - Bảo hiểm y tế	2	2	0
28.4	Tin học ứng dụng Y Khoa	2	2	0
Tổng cộng		219	136	83

Kế hoạch giảng dạy

Học kỳ 1:

STT	Tên học phần	Tổng số		LT		TH	
		TC	Số tiết	TC	Số tiết	TC	Số tiết
1	Anh văn căn bản 1	3	45	3	45	0	0
2	Sinh học và Di truyền	3	60	2	30	1	30
3	Hóa Đại cương – Vô cơ	3	60	2	30	1	30
4	Triết học Mac - Lenin	2	30	2	30	0	0
5	Tin học đại cương	3	60	2	30	1	30
6	Giáo dục thể chất 1	1*	30	0	0	1	30
7	Giáo dục quốc phòng – An ninh	8*					
Tổng cộng		14	255	11	165	3	90

Học kỳ 2:

STT	Tên học phần	Tổng số		LT		TH	
		TC	Số tiết	TC	Số tiết	TC	Số tiết
1	Lý sinh	3	60	2	30	1	30
2	Kinh tế chính trị	2	30	2	30	0	0
3	Pháp luật đại cương	2	30	2	30	0	0
4	Xác suất thống kê trong y học	3	45	3	45	0	0
5	Anh văn căn bản 2	3	45	3	45	0	0

STT	Tên học phần	Tổng số		LT		TH	
		TC	Số tiết	TC	Số tiết	TC	Số tiết
6	Giải phẫu 1	3	60	2	30	1	30
7	Giáo dục thể chất 2	1*	30	0	0	1	30
Tổng cộng		16	270	14	210	2	60

Học kỳ 3:

STT	Tên học phần	Tổng số		LT		TH	
		TC	Số tiết	TC	Số tiết	TC	Số tiết
2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	1	15	1	15		
3	Anh văn căn bản 3	3	45	3	45	0	0
4	Mô và Phôi thai học	4	75	3	45	1	30
5	Giải phẫu 2	3	60	2	30	1	30
6	Ký sinh trùng	3	60	2	30	1	30
7	Sinh lý 1	3	75	3	45	1	30
8	Giáo dục thể chất 3	1*	30	0	0	1	30
Tổng cộng		18	330	14	210	4	120

Học kỳ 4:

STT	Tên học phần	Tổng số		LT		TH	
		TC	Số tiết	TC	Số tiết	TC	Số tiết
1	Anh văn chuyên ngành Y khoa	3	45	3	45	0	0
2	Tâm Lý & Đạo đức Y học	2	30	2	30	0	0
3	Điều dưỡng cơ bản và cấp cứu ban đầu	3	60	2	30	1	30
4	Hóa sinh	3	60	2	30	1	30
5	Giải phẫu bệnh	3	60	2	30	1	30
6	Sinh lý 2	3	60	2	30	1	30
7	Vi sinh	3	60	2	30	1	30
Tổng cộng		20	375	15	225	5	150

Học kỳ 5:

STT	Tên học phần	Tổng số		LT		TH	
		TC	Số tiết	TC	Số tiết	TC	Số tiết
1	Huấn luyện kỹ năng	2	60	0	0	2	60
2	Sinh lý bệnh – miễn dịch	4	75	3	45	1	30
3	Chẩn đoán hình ảnh	3	60	2	30	1	30
4	Phẫu thuật thực hành	3	60	2	30	1	30
5	Dinh dưỡng vệ sinh an toàn thực phẩm	2	30	2	30	0	0

STT	Tên học phần	Tổng số		LT		TH	
		TC	Số tiết	TC	Số tiết	TC	Số tiết
6	Dược lý	3	60	2	30	1	30
7	Truyền thông giáo dục và nâng cao sức khỏe	2	30	2	30	0	0
Tổng cộng		19	375	13	195	6	180

Học kỳ 6:

STT	Tên học phần	Tổng số		LT		TH	
		TC	Số tiết	TC	Số tiết	TC	Số tiết
1	Răng hàm mặt	4	90	2	30	2	60
2	Tổ chức và quản lý y tế	2	30	2	30	0	0
3	Sức khỏe môi trường	2	30	2	30	0	0
4	Triệu chứng ngoại khoa	5	105	3	45	2	60
5	Dịch tễ học	2	30	2	30	0	0
6	Triệu chứng nội khoa	5	105	3	45	2	60
Tổng cộng		20	390	14	210	6	180

Học kỳ 7:

STT	Tên học phần	Tổng số		LT		TH	
		TC	Số tiết	TC	Số tiết	TC	Số tiết
1	Bệnh học ngoại khoa 1	5	105	3	45	2	60
2	Bệnh học nội khoa 1	5	105	3	45	2	60
3	Bệnh học Nhi khoa 1	4	90	2	30	2	60
4	Phương pháp nghiên cứu khoa học sức khỏe	2	30	2	30	0	0
5	Thực tập cộng đồng	2	60	0	0	2	60
Tổng cộng		18	390	10	150	8	240

Học kỳ 8:

STT	Tên học phần	Tổng số		LT		TH	
		TC	Số tiết	TC	Số tiết	TC	Số tiết
1	Truyền nhiễm	4	90	2	30	2	60
2	Da liễu	4	90	2	30	2	60
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	2	30	0	0
4	Y học cổ truyền	4	90	2	30	2	60
5	Bệnh học Sản khoa 1	4	90	2	30	2	60
Tổng cộng		18	390	10	150	8	240

Học kỳ 9:

STT	Tên học phần	Tổng số		LT		TH	
		TC	Số tiết	TC	Số tiết	TC	Số tiết
1	Mắt	4	90	2	30	2	60
2	Tai mũi họng	4	90	2	30	2	60
3	Thần kinh	4	90	2	30	2	60
4	Ung thư	4	90	2	30	2	60
5	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3	45	3	45	0	0
Tổng cộng		19	405	11	165	8	240

Học kỳ 10:

STT	Tên học phần	Tổng số		LT		TH	
		TC	Số tiết	TC	Số tiết	TC	Số tiết
1	Lao và Bệnh phổi	4	90	2	30	2	60
2	Phục hồi chức năng	4	90	2	30	2	60
3	Bệnh học Ngoại khoa 2	4	90	2	30	2	60
4	Bệnh học sản khoa 2	4	90	2	30	2	60
5	Sức khỏe tâm thần	4	90	2	30	2	60
Tổng cộng		20	450	10	150	10	300

Học kỳ 11:

STT	Tên học phần	Tổng số		LT		TH	
		TC	Số tiết	TC	Số tiết	TC	Số tiết
1	Bệnh học Nội khoa 2	5	105	3	45	2	60
2	Bệnh học nhi khoa 2	4	90	2	30	2	60
3	Thực tập cuối khóa Nội khoa	4	120	0	0	4	120
4	Thực tập cuối khóa Ngoại khoa	4	120	0	0	4	120
Tổng cộng		17	435	5	75	12	360

Học kỳ 12:

STT	Tên học phần	Tổng số		LT		TH	
		TC	Số tiết	TC	Số tiết	TC	Số tiết
1	Thực tập cuối khóa Sản khoa	4	120	0	0	4	120
2	Phụ khoa	4	90	2	30	2	60
3	Thực tập cuối khóa Nhi khoa	4	120	0	0	4	120
4	Khoá luận tốt nghiệp hoặc môn thay thế	8		8			
Tổng cộng		20	330	10	30	10	300

STT	Tên học phần	Tổng số		LT		TH	
		TC	Số tiết	TC	Số tiết	TC	Số tiết
Môn thay thế khoá luận tốt nghiệp							
1	Dược lý lâm sàng	2	30	2	30	0	0
2	Gây mê hồi sức	2	45	1	15	1	30
3	Kinh tế y tế - Bảo hiểm y tế	2	30	2	30	0	0
4	Tin học ứng dụng Y Khoa	2	30	2	30	0	0
Tổng cộng		8	135	7	105	1	30

8. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- *Chương trình:*

+ Chương trình chi tiết đào tạo ngành Y đa khoa hệ chính quy gồm 219 TC. Việc triển khai chi tiết thực hiện chương trình và giám sát chất lượng chuyên môn do Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế chỉ đạo thực hiện.

+ Phần nội dung chương trình bắt buộc: Trường Đại học Nam Cần Thơ chỉ đạo khoa Y phải tổ chức thực hiện giảng dạy đủ khối lượng kiến thức đã quy định

+ Phần nội dung chương trình kiến thức bổ trợ: Dựa theo trên cơ sở bổ sung thêm một số học phần thuộc ngành Y đa khoa đồng thời tăng thêm thời lượng cho một số học phần y khoa đã có, liên quan tới nhiều ngành đào tạo nhưng xét thấy có lợi cho việc mở rộng năng lực hoạt động của sinh viên sau tốt nghiệp. Trên cơ sở các TC bắt buộc và TC kiến thức bổ trợ đã được phê duyệt, khoa Y đã biên soạn chương trình chi tiết những môn học và trình hội đồng khoa học đào tạo và Hiệu Trưởng Trường Đại học Nam Cần Thơ ban hành để thực hiện.

- *Kế hoạch sắp xếp nội dung và quỹ thời gian:*

+ Khoa Y chủ động bố trí và điều chỉnh các môn học của các học kỳ và phải đảm bảo tính logic và tính hệ thống của chương trình đào tạo theo trình tự để sinh viên học các học phần khoa học cơ bản, y học cơ sở và tiền lâm sàng trước các học phần chuyên ngành. Phòng Đào tạo và khoa Y sẽ sắp xếp chương trình và triển khai thực hiện theo chương trình chi tiết đã được duyệt.

- *Thực tập, thực hành, thực tế tại cộng đồng:*

+ Thực tập: tổ chức thực tập tại phòng thí nghiệm theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế. Tuy nhiên do yêu cầu của nghề nghiệp để đảm bảo chất lượng đào tạo, nhà trường có thể quy định điểm kết thúc môn học là tổng hợp của điểm lý thuyết và điểm thực tập.

+ Thực tập tại cộng đồng: sau khi sinh viên đã học các môn cơ sở ngành và chuyên ngành liên quan.

- Phương pháp dạy/học:

Coi trọng việc tự học của sinh viên : giảng viên hướng dẫn phương pháp tự học theo đặc thù của môn học.

Tăng cường các phương tiện nghe nhìn, phương pháp dạy/học tích cực

Đảm bảo sách giáo khoa và tài liệu tham khảo cho sinh viên

Tăng cường hiệu quả các buổi thực tập trong phòng thí nghiệm, thực hành tại các cơ sở Y Dược và thực tế tại cộng đồng bằng cách phân công giảng viên kết hợp với giảng viên kiêm nhiệm tại cơ sở theo dõi giám sát các hoạt động của sinh viên, tổ chức kiểm tra thi kết thúc mỗi kỹ thuật thí nghiệm, mỗi quy trình hoạt động chuyên môn tại cơ sở và mỗi đơn vị học trình

PHÒNG ĐÀO TẠO

KHOA Y

BAN GIÁM HIỆU